

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Hương Thanh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI  
KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Hương Thanh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2018**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đào Hương Thanh

Mã SV: 1412401381

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.

---

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
    - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
    - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.
    - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
  2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.  
Sử dụng số liệu năm 2016
  3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc
-

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày    tháng    năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày    tháng    năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Đào Hương Thanh

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

---

## PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Thúy Hồng  
Đơn vị công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: **Đào Hương Thanh** Chuyên ngành: Kế toán - kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

Nội dung hướng dẫn: Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong DN

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc:

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- + Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi
- + Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.
- + Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

### 2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể

(Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

### **3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng*

---

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	12
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.1.1.1. Doanh thu .....	3
1.1.1.2. Chi phí .....	5
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh .....	7
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.....	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	12
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....	12
1.2.2.2. Các phương pháp tính trị giá xuất kho theo Thông tư 200 .....	12
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng .....	15
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán .....	17
1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính .....	19
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	19
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	19
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	21
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	21
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	21

---



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	23
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	23
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	23
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC.....</b>	<b>25</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty .....	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	25
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.....	25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty .....	27
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....	27
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	28
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	30
2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty.....	30
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.....	39
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính .....	53
2.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	57
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	63
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC .....</b>	<b>73</b>
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Nhược điểm.....	74

---

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	75
3.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán .....	75
3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng .....	77
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	85
1. Kết luận .....	85
2. Kiến nghị .....	85
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	86

---

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ .....	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý .....	11
(bên giao đại lý) .....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp .....	12
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán .....	17
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp .....	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính .....	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác .....	22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....	24
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty .....	30
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán .....	27
Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	29
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	31
Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán .....	40
tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc .....	40
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp .....	47
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động tài chính .....	53
Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động khác .....	57
Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	63

---

## DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000424.....	32
Biểu số 2.2: Giấy báo có 549.....	33
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 0000432.....	34
Biểu số 2.4: Sổ Nhật ký chung.....	35
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511.....	36
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết bán hàng.....	37
Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng.....	38
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 112.....	41
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho 164.....	42
Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung.....	43
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632.....	44
Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	45
Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn.....	46
Biểu số 2.14: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 0046560.....	48
Biểu số 2.15: Phiếu chi 178.....	49
Biểu số 2.16: Bảng thanh toán tiền lương tháng 05/2016.....	50
Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung.....	51
Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642.....	52
Biểu số 2.19: Giấy báo có 624.....	54
Biểu số 2.20: Sổ Nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515.....	56
Biểu số 2.22: Hóa đơn GTGT 0000499.....	58
Biểu số 2.23: Biên bản thanh lý TSCĐ.....	59
Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chung.....	60
Biểu số 2.25: Sổ cái TK 711.....	61
Biểu số 2.26: Sổ cái TK 811.....	62
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 811.....	64
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 812.....	65
Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 813.....	66
Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 814.....	66
Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 815.....	67
Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.33: Sổ cái TK 911.....	69

---

Biểu số 2.34: Sổ cái TK 821 .....	70
Biểu số 2.35: Sổ cái TK 421 .....	71
Biểu số 2.36: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	72
Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000441 .....	80
Biểu số 3.2: Phiếu chi số 223 .....	81
Biểu số 3.3: Phiếu kế toán số 812A .....	82
Biểu số 3.4: Sổ Nhật ký chung .....	83
Biểu số 3.5: Sổ Cái TK 521 .....	84

---

---

**LỜI MỞ ĐẦU****1. Tính cấp thiết**

Chìa khóa dẫn đến con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp đó có được sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành. Thiếu đi bất cứ bộ phận nào hay khi nó hoạt động chưa hiệu quả đều dẫn tới những hệ lụy xấu cho kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh liên quan đến các chỉ tiêu như Giá vốn hàng bán, Doanh thu bán hàng, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế... Đây đều là các chỉ tiêu quan trọng trong Báo cáo tài chính, luôn đòi hỏi tính trung thực, chính xác, đầy đủ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc”** cho bài khóa luận của mình.

**2. Mục đích nghiên cứu**

- Nghiên cứu, nắm vững những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Mô tả được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.
- Thông qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.
- Về không gian: tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.
- Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2016 (chi tiết tháng 05 năm 2016)

**4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài. Bài viết đã tổng hợp các kiến thức liên quan đến công tác kế

toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Số liệu được lấy minh họa trong bài viết được lấy trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

- Phương pháp phân tích được sử dụng để thực hiện việc phân tích những thông tin doanh nghiệp đang áp dụng so với chế độ kế toán hiện hành nhằm phục vụ mục tiêu đề tài.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến nhà quản lý cũng như những người có liên quan về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài như hỏi về vấn đề áp dụng công nghệ thông tin vào công tác ghi chép sổ sách kế toán.

## **5. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

- ❖ Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ❖ Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.
- ❖ Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Hương Thanh

## CHƯƠNG 1

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

***1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp***

***1.1.1.1. Doanh thu***

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

**Các loại doanh thu**

• **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.



+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyên hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

- **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu
- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:
  - *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
  - *Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
  - *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.
- **Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm:
  - Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
  - Cổ tức lợi nhuận được chia.
  - Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
  - Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
  - Lãi tỷ giá hối đoái.
  - Chênh lệch do bán ngoại tệ.
  - Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
  - Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

### 1.1.1.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

**Các loại chi phí**

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ bán chứng khoán ...

- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- + Các khoản chi phí khác....

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN**

#### 1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất, KD	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng, QLDN
--	---	---	---	------------------------------------	---	---------------------	---	------------------------------

- + Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính = Doanh thu tài chính - Chi phí tài chính

- + Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Lợi nhuận hoạt động khác	=	Thu nhập hoạt động khác	-	Chi phí hoạt động khác
-----------------------------	---	----------------------------	---	---------------------------

- + Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
--------------------------------------	---	--------------------------------	---	-------------------------------------	---	-------------------

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}} \times$$

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế TNDN phải nộp}} -$$

### ***1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.***

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu***

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có...
- Chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại.

#### *1.2.1.2. Tài khoản sử dụng*

**Tài khoản 511**- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này có 6 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 521** – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá. Tài khoản này có 3 tiểu khoản:
  - + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
  - + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
  - + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</li> <li>- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

**Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

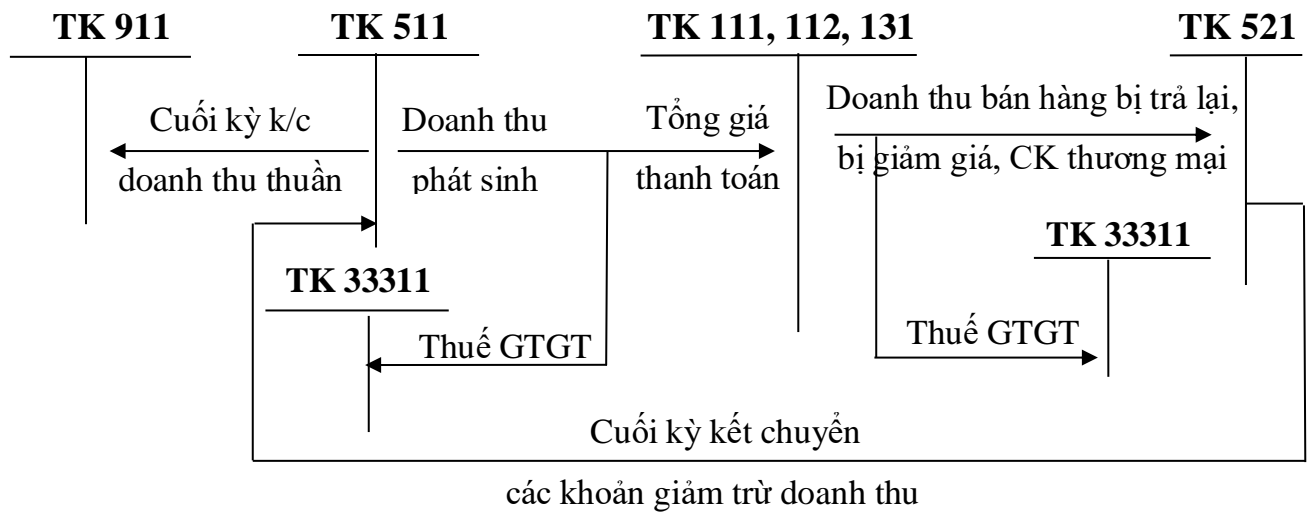
- Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

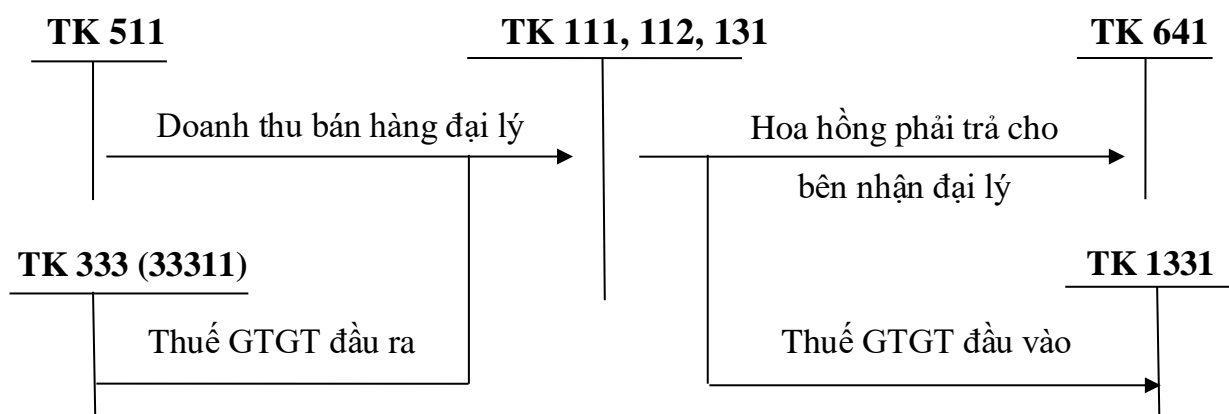
Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ.</li> <li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.</li> <li>- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.</li> <li>- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.</li> <li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.</li> <li>- TK này có thể có số dư bên Nợ: phản ánh khoản thuế và các khoản nộp thừa vào ngân sách Nhà nước</li> </ul>		

*1.2.1.3. Phương pháp hạch toán*

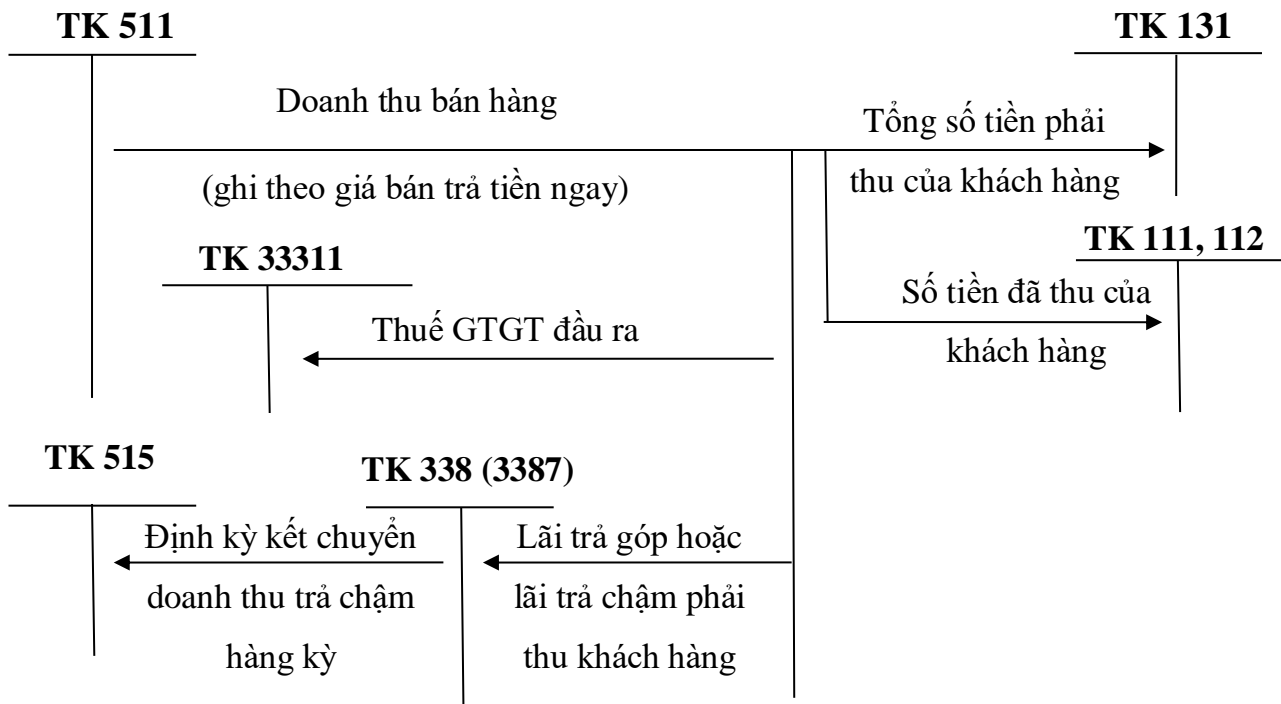
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT  
tính theo phương pháp khấu trừ**



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý  
(bên giao đại lý)**





**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp****1.2.2. Kế toán giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho, Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.2.2. Các phương pháp tính trị giá xuất kho theo Thông tư 200**

Để tính giá trị xuất của hàng hóa tồn kho, theo thông tư 200 kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

+ **Phương pháp giá thực tế đích danh:** Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng

được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

+ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

*a) Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng)*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

*b) Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân tức thời)*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ } i}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

#### + **Phương pháp nhập trước - xuất trước**

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

#### + **Phương pháp giá bán lẻ**

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự). Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

### 1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911.</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> <li>...</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 641** – Chi phí bán hàng. Tài khoản này có 7 tiểu khoản:
  - + Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
  - + Tài khoản 6412 - Chi phí nguyên vật liệu, bao bì
  - + Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
  - + Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
  - + Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
  - + Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

Nợ	TK 641	Có
- Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

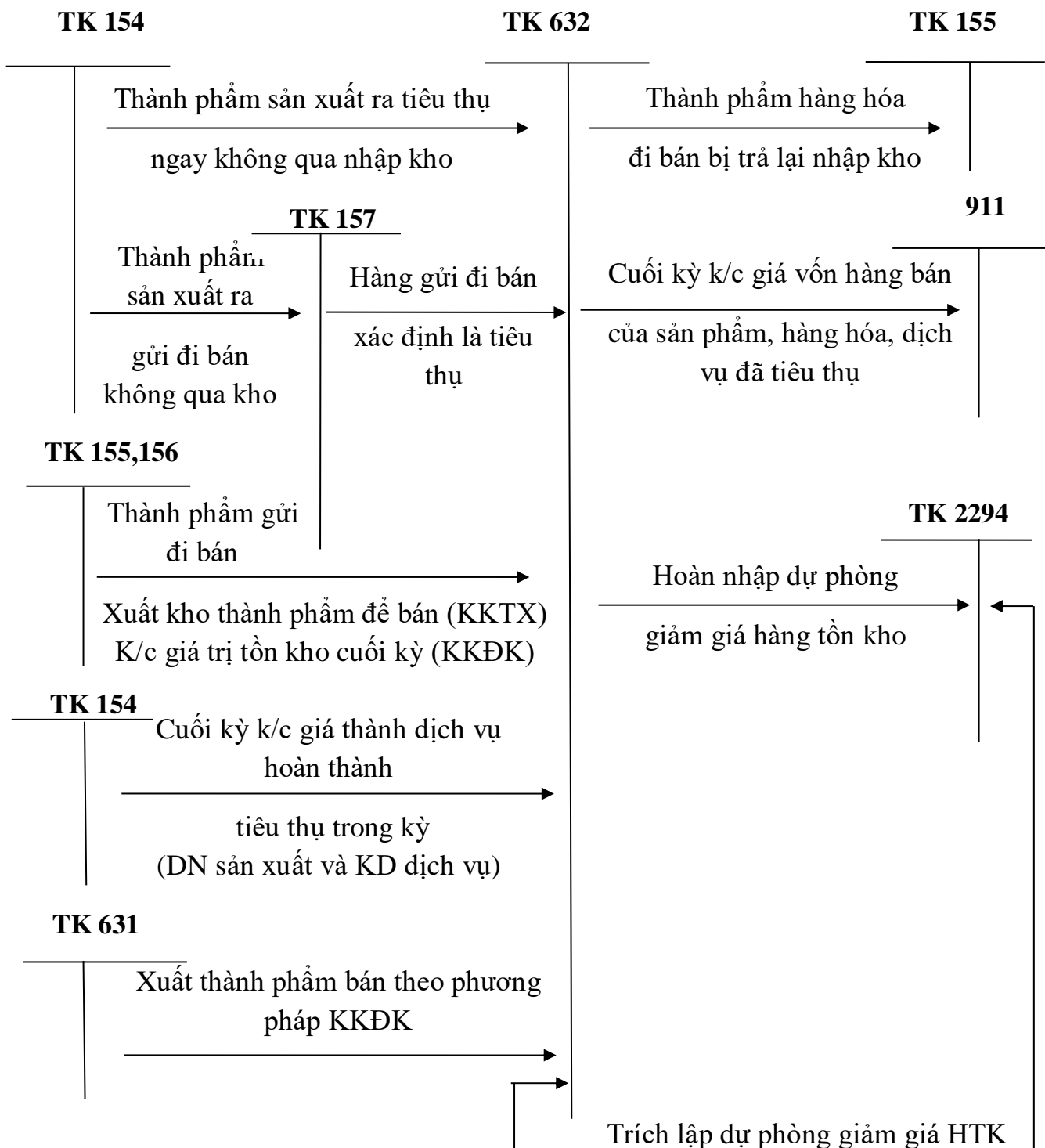
- **Tài khoản 642** – Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK này có 8 tiểu khoản:
  - + Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
  - + Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
  - + Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
  - + Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
  - + Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
  - + Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
  - + Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.	- Các khoản được giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911.	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

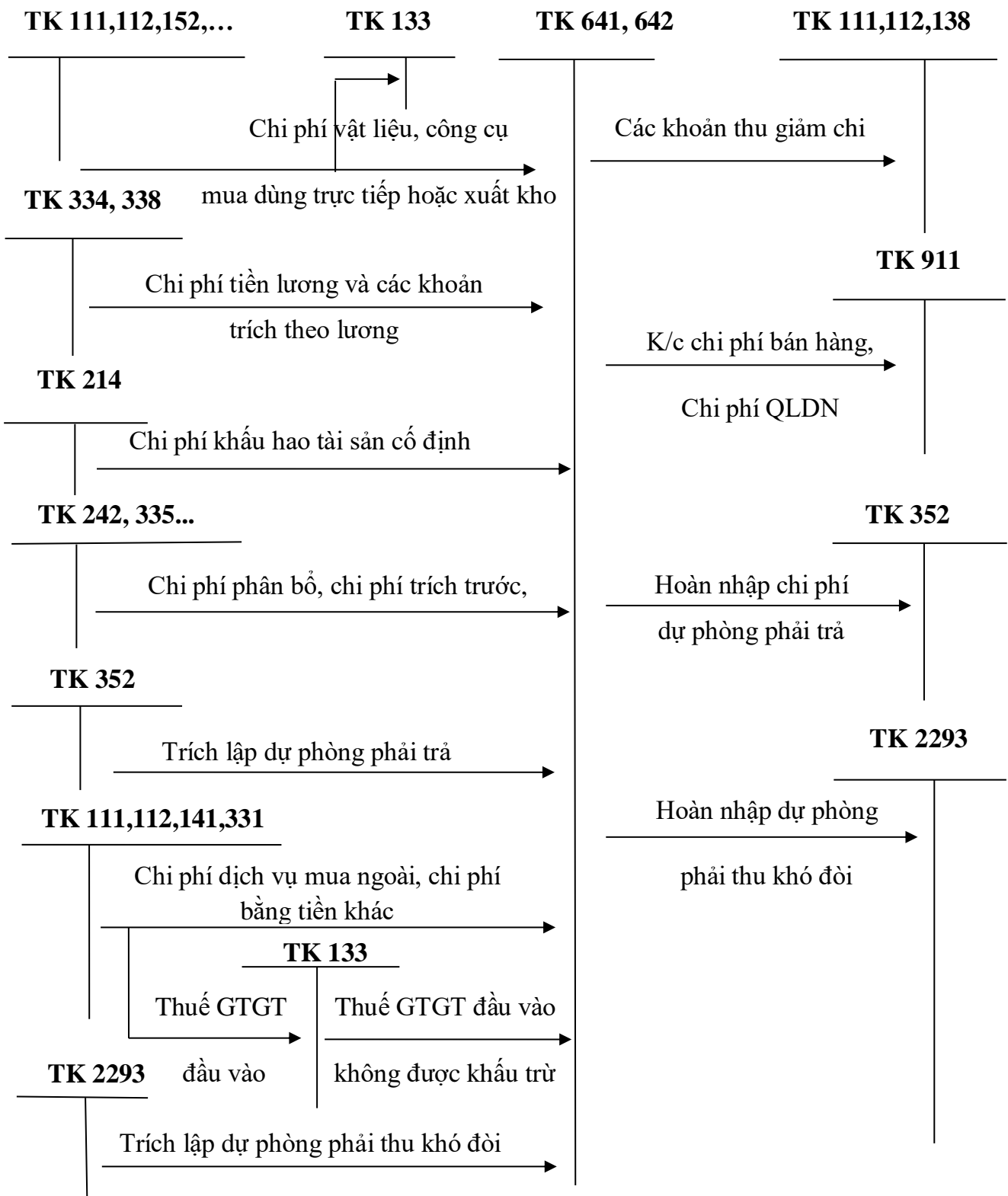
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

## 1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



## Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp



**1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính****1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 515** – Doanh thu hoạt động tài chính

**Kết cấu tài khoản 515**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết</li> <li>- Chiết khấu thương mại được hưởng, lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ ....</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 635** – Chi phí tài chính

**Kết cấu tài khoản 635**

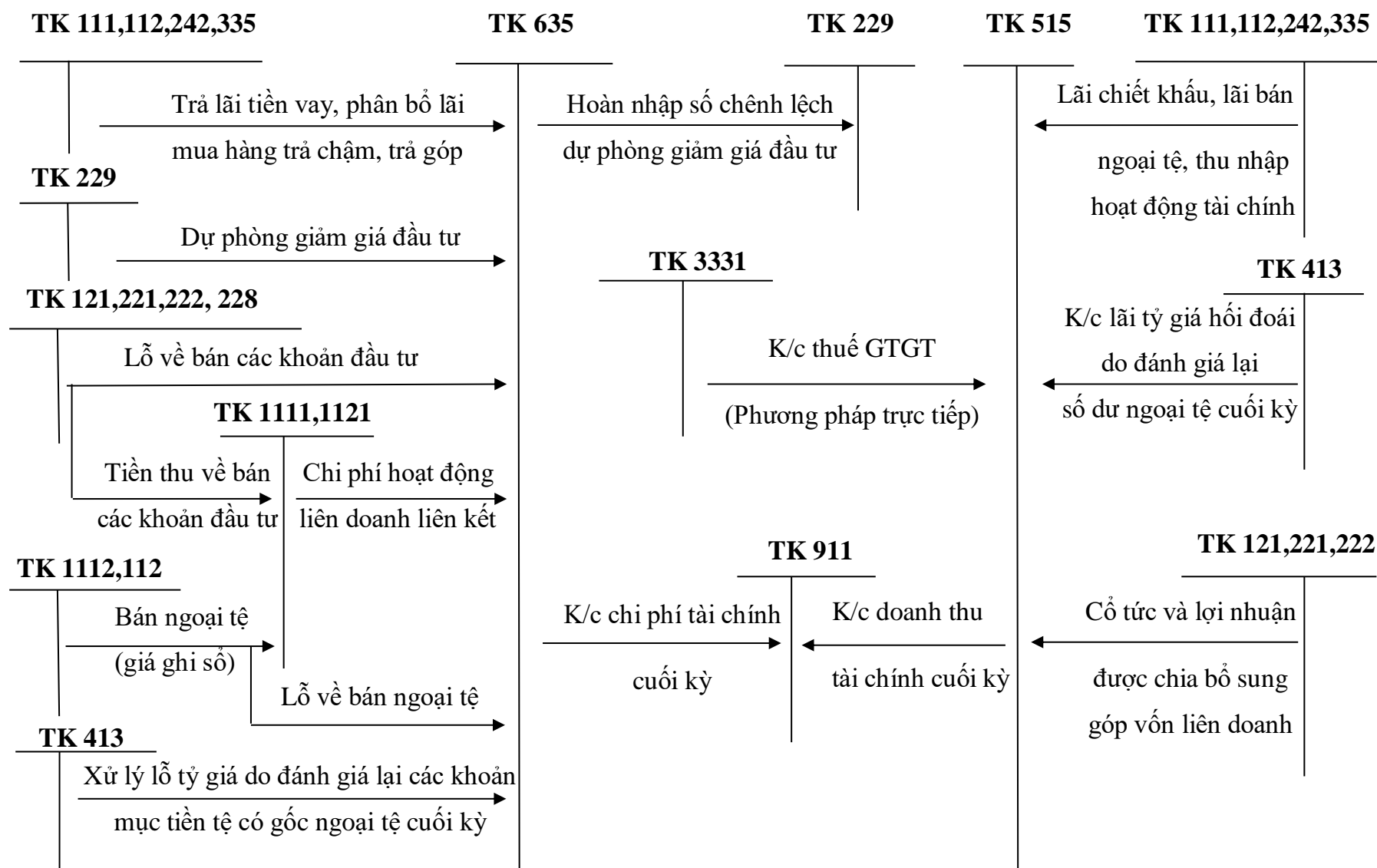
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính</li> <li>- Các khoản lỗ về đầu tư tài chính</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

**1.2.3.3. Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



**1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác****1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng****Tài khoản 711 – Thu nhập khác****Kết cấu tài khoản 711**

<b>Nợ</b>	<b>TK 711</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

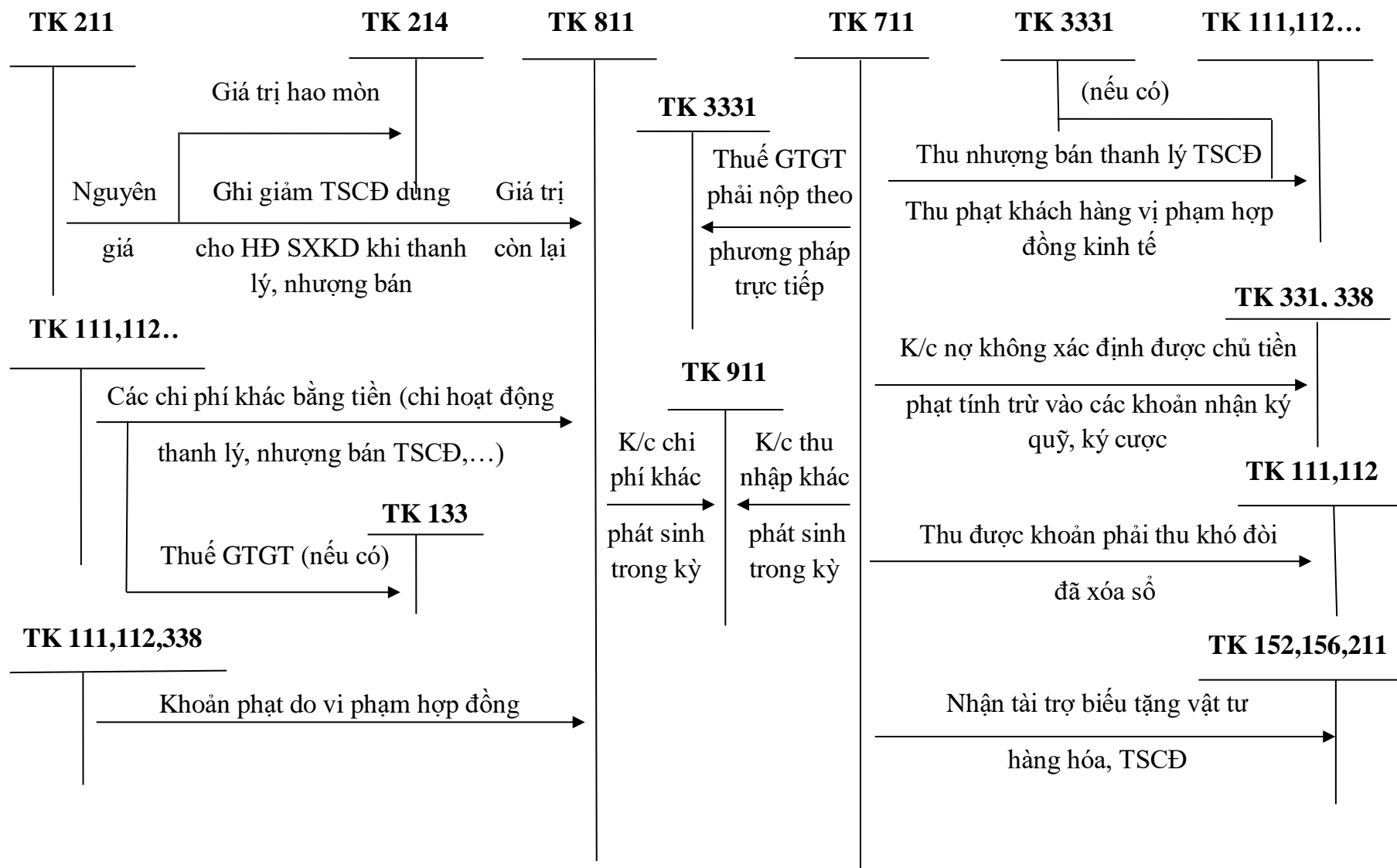
**Tài khoản 811 - Chi phí khác****Kết cấu tài khoản 811**

<b>Nợ</b>	<b>TK 811</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí khác phát sinh.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.4.3. Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



**1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh****1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

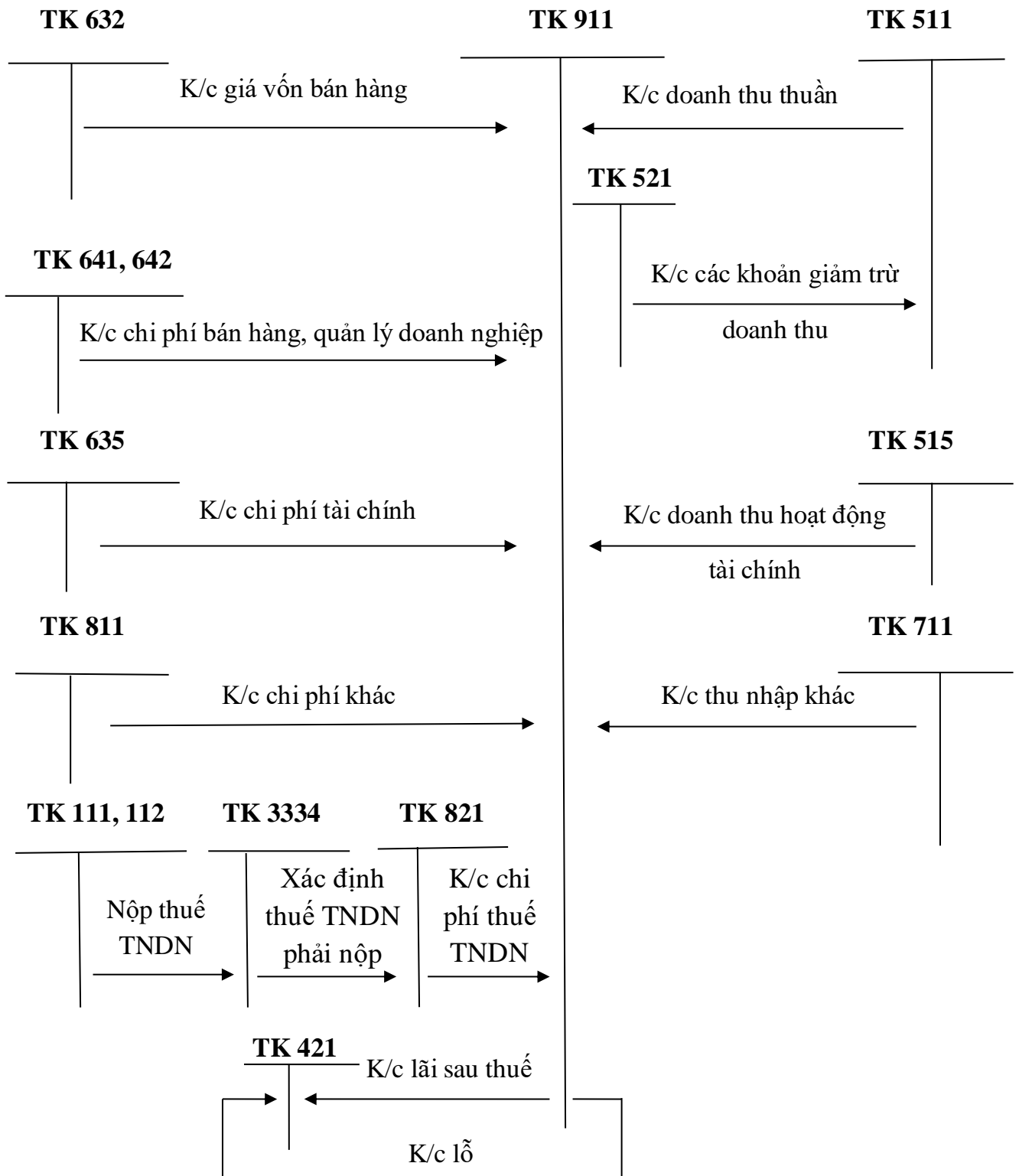
**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

**Kết cấu tài khoản 911**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/C trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>- K/C chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác.</li> <li>- K/C chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp</li> <li>- K/C chi phí thuế TNDN</li> <li>- Kết chuyển lãi sau thuế .</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/C doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- K/C doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> <li>- K/C lỗ</li> </ul>
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI****CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC****2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

Tên công ty : Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

Địa chỉ trụ sở: Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Dầu, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0201636677

Điện thoại: 0225 3972 667

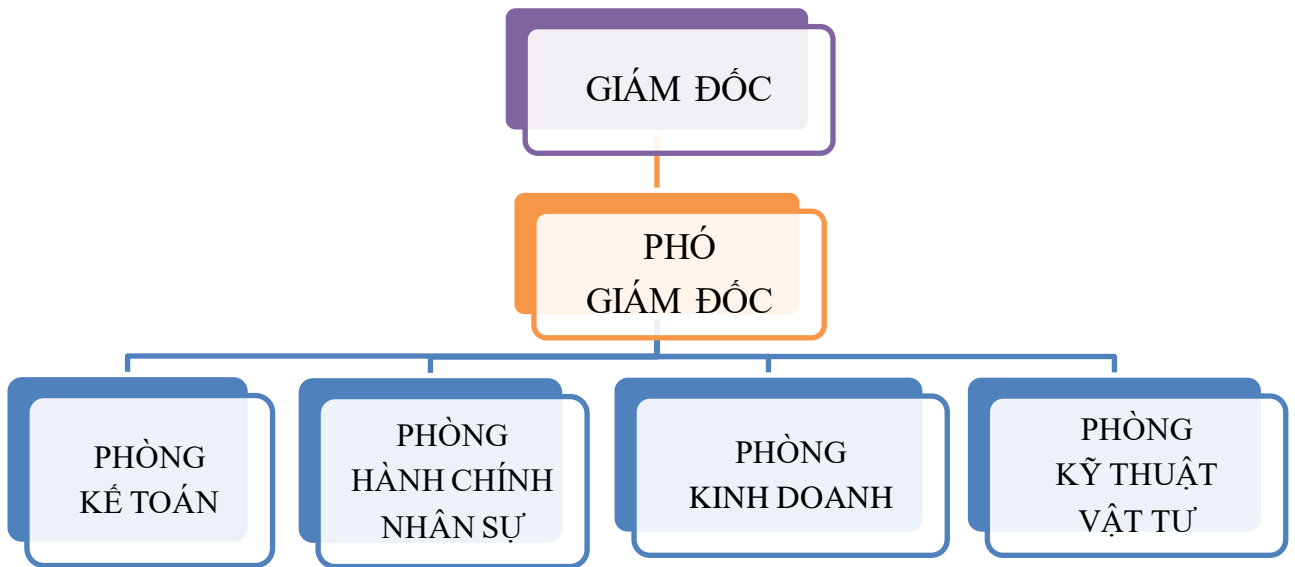
Email: dongbac185@gmail.com

Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201636677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 06 năm 2015.

**2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Bốc xếp hàng hóa
- Bán buôn và thu gom than non
- Bán buôn quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt
- Bán buôn quặng kim loại quý hiếm, đá, cát, sỏi, đất sét

**2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc****❖ Cơ cấu tổ chức**

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty****❖ Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban**

- Giám đốc: Là đại diện pháp nhân của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của công ty. Giám đốc là người điều hành cao nhất trong công ty, xây dựng chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển, thực hiện các mối liên hệ với đối tác, giao nhiệm vụ cho các bộ phận theo chức năng, kiểm tra phối hợp thống nhất sự hoạt động của các bộ phận trong công ty.

- Phó giám đốc: Là người quản lý phụ trách các phòng ban trong công ty, hỗ trợ cho Giám đốc trong quá trình giải quyết công việc phát sinh

- Phòng kế toán: Đóng vai trò quan trọng trong việc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu ghi chép vào sổ sách, lập báo cáo tài chính.

- Phòng hành chính nhân sự: Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn công ty, thực hiện công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự theo yêu cầu chiến lược của công ty. Quản lý công tác hành chính văn phòng.

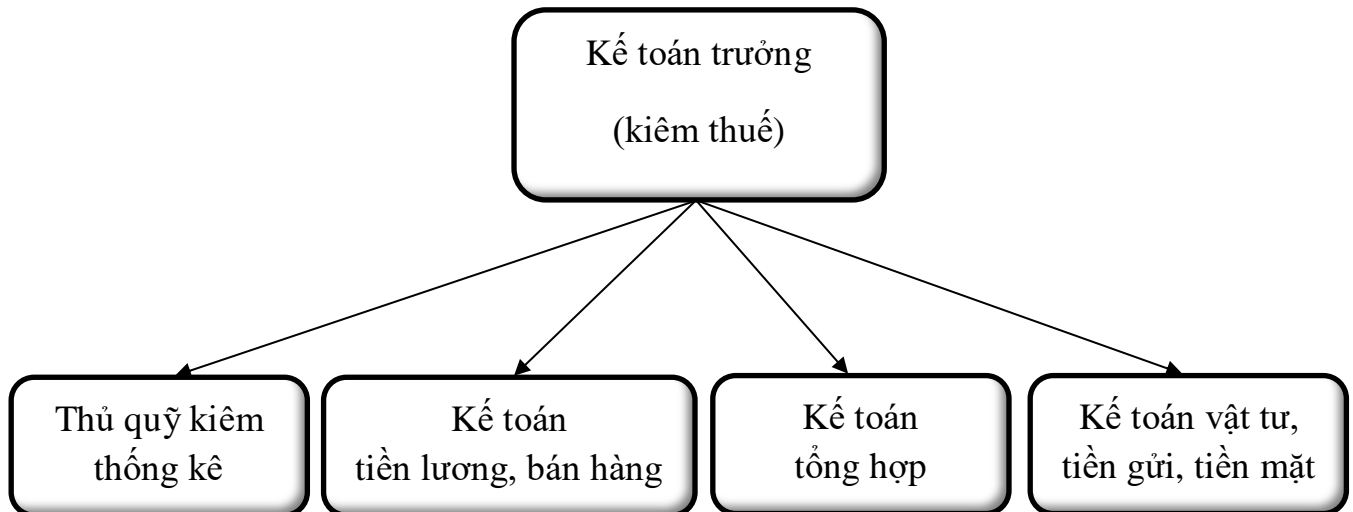
- Phòng kinh doanh: Lập kế hoạch cung ứng hàng hóa, phụ trách triển khai ký kết các hợp đồng kinh tế, các chương trình marketing thương mại của công ty. Nắm bắt thị trường khu vực và thị trường tiềm năng, tìm các nguồn hàng có chất lượng cao phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phòng kỹ thuật vật tư: Theo dõi quá trình cung cấp vật tư, thiết bị máy móc cho toàn bộ quá trình hoạt động của công ty. Quản lý và xây dựng kế hoạch bảo dưỡng thiết bị để đảm bảo hoạt động được liên tục.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

##### 2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



- Kế toán trưởng (kiêm thuế): Là người điều hành mọi việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, đồng thời phải thực hiện quyết toán đúng theo quý, năm theo đúng chế độ, tham mưu cho giám đốc các biện pháp nhằm tận thu, tiết kiệm chi phí và thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước. Phân tích các chỉ tiêu kinh tế trong báo cáo tài chính để có những ý kiến đề xuất tham mưu cho giám đốc nhằm đưa ra các quyết định chính xác.
- Thủ quỹ: Theo dõi tình hình biến động của quỹ, giữ quỹ, tiến hành thu – chi khi có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, tổ chức kiểm kê theo quy định trong tháng.
- Kế toán tiền lương, bán hàng: Tính tổng số lương, các khoản phụ cấp phải trả theo lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN... Đồng thời theo dõi và phản ánh tình hình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, phản ánh chính xác doanh thu bán hàng



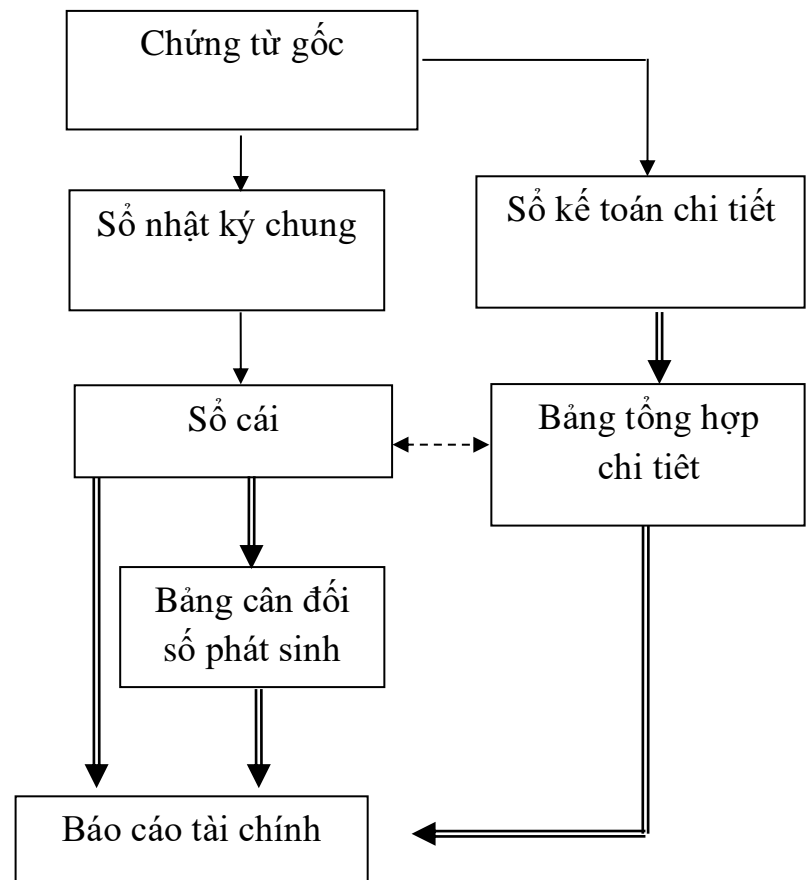
- Kế toán tổng hợp: Căn cứ vào chứng từ và sổ sách kế toán do các bộ phận kế toán cung cấp, tổng hợp số liệu, vào sổ tổng hợp cân đối thu chi, lập bảng cân đối, hỗ trợ kế toán trưởng lập báo cáo tài chính khi cần thiết.
- Kế toán vật tư, tiền gửi, tiền mặt: Hàng ngày viết phiếu thu, chi tiền mặt, theo dõi xuất nhập hàng hóa, theo dõi doanh thu công nợ của khách hàng.

*2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.*

- ❖ Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
  - Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm
  - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND)
- ❖ Chế độ kế toán áp dụng

Hiện nay, Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế - tài chính phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

**Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên và tính trị giá hàng xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng để trừ dần thời gian sử dụng theo thời gian ước tính.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc**

### ***2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh***

#### ***2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty***

##### **a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng**

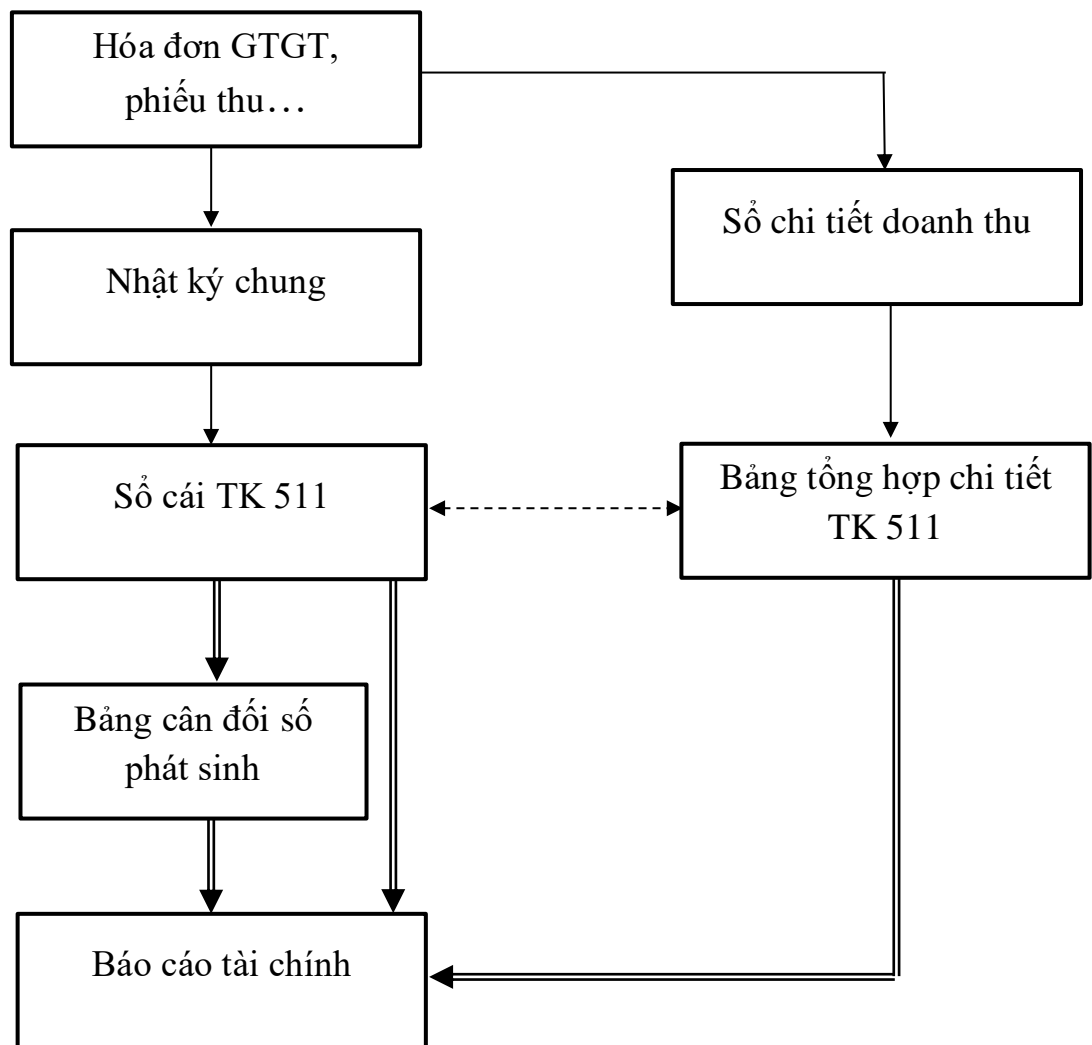
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu
- Các chứng từ có liên quan khác

##### **b. Tài khoản sử dụng**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK liên quan khác

##### **c. Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Ví dụ:** Tháng 05/2016 Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK 131.

Đồng thời căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành kế toán ghi sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết 131.

- Ngày 12/05/2016 công ty xuất bán than cám cho Công ty CP Sông Hồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000424 với giá trị chưa thuế là 604.688.040 đồng. Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Ngày 21/05/2016 công ty xuất bán than cám cho Công ty TNHH May Nien Hsing Ninh Bình theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000432 với giá trị chưa thuế là 809.915.496 đồng. Khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0000424

<b>HÓA ĐƠN</b>					
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: Lưu hành nội bộ				Ký hiệu: AA/16P	
Ngày 12 tháng 05 năm 2016				Số: 0000424	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC					
Mã số thuế	: 0201636677				
Địa chỉ	: Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, HP				
Điện thoại	: 031 3972 667				
Số tài khoản	: 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Hải Phòng				
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Huy					
Tên đơn vị	: Công ty Cổ phần Sông Hồng				
Mã số thuế	: 0100958999				
Địa chỉ	: Số 70 phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội				
Hình thức thanh toán	: CK				Số tài khoản:
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Than cám 3A	Tấn	330	1.832.388	604.688.040
Cộng tiền hàng					604.688.040
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			60.468.804
Tổng cộng tiền thanh toán					665.156.844
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi tư đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Chi nhánh – Số 36 Điện Biên Phủ, Máy Tơ, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

## GIẤY BÁO CÓ

Số: 549



Ngày 12 tháng 05 năm 2016

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN

ĐÔNG BẮC

Mã số thuế: 0201636677

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có: 32110000568976

Số tiền bằng số: 665.156.844

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi lăm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi tư đồng.

Nội dung: Nhận tiền hàng từ Công ty Cổ phần Sông Hồng

Giao dịch viên

Kiểm soát

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT 0000432

<b>HÓA ĐƠN</b>					
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Liên 3: Lưu hành nội bộ				Ký hiệu: AA/16P	
Ngày 21 tháng 05 năm 2016				Số: 0000432	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC					
Mã số thuế		: 0201636677			
Địa chỉ		: Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, HP			
Điện thoại		: 031 3972 667			
Số tài khoản		: 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Kiến An			
Họ tên người mua hàng: Trần Huy Hùng					
Tên đơn vị		: Công ty TNHH May Nien Hsing Ninh Bình			
Mã số thuế		: 2700347963			
Địa chỉ		: KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình			
Hình thức thanh toán		: CK		Số tài khoản:	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Than cám 3A	Tấn	442	1.832.388	809.915.496
Cộng tiền hàng					809.915.496
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			80.991.550
Tổng cộng tiền thanh toán					890.907.046
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm chín mươi triệu chín trăm linh bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

## Biểu số 2.4: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX112	12/05	Xuất than cám theo HD424	632 156	515.435.250	515.435.250
<b>HD424 BC549</b>	<b>12/05</b>	<b>Bán than cám cho Sông Hồng theo HD424, thu bằng CK</b>	<b>112 511 3331</b>	<b>665.156.844</b>	<b>604.688.040 60.468.804</b>
PX164	21/05	Xuất than cám theo HD432	632 156	685.877.920	685.877.920
<b>HD432</b>	<b>21/05</b>	<b>Bán than cám cho Nien Hsing Ninh Bình theo HD432 chưa thu tiền</b>	<b>131 511 3331</b>	<b>890.907.046</b>	<b>809.915.496 80.991.550</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu (Ký, họ tên)      Kế toán trưởng (Ký, họ tên)      Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*



## Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD424</b>	<b>12/05</b>	<b>Bán than cám cho Sông Hồng theo HD424, thu bằng chuyển khoản</b>	<b>112</b>		<b>604.688.040</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD432</b>	<b>21/05</b>	<b>Bán than cám cho Nien Hsing Ninh Bình theo HD432 chưa thu tiền</b>	<b>131</b>		<b>809.915.496</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK812	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	189.817.376.770	
		Cộng số phát sinh		189.817.376.770	189.817.376.770
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc

Mẫu số: S35-DN

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Sản phẩm: Than cám 3A

Tháng 05 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
	.....	.....	.....	.....	.....		.....	
12/05	0000424	12/05	Bán cho Công ty Sông Hồng	<b>112</b>	330	1.832.388	604.688.040	0
21/05	0000432	21/05	Bán cho Công ty Nien Hsing Ninh Bình	<b>131</b>	442	1.832.388	809.915.496	0
		.....	.....					
			Cộng số phát sinh				<b>3.481.537.200</b>	

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng

<b>SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG</b>				
<i>(Trích)</i>				
<i>Tháng 05 năm 2016</i>				
Đơn vị tính: đồng				
<b>STT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>Khoản giảm trừ</b>	<b>Doanh thu thuần</b>
<b>1</b>	<b>Than cám 3A</b>	<b>3.481.537.200</b>	<b>0</b>	<b>3.481.537.200</b>
2	Than cám 6B	1.146.758.352	0	1.146.758.352
3	Than cục 7A	910.478.900	0	910.478.900
	.....	.....		
	<b>Cộng</b>	<b>15.890.916.765</b>	<b>0</b>	<b>15.890.916.765</b>
<b>Người ghi sổ</b>			<b>Kế toán trưởng</b>	
<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>	

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

### 2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

#### a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê xuất...

#### b. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 156 - Hàng hóa....

#### Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân gia quyền liên hoàn

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Trong đó:

$P_N$  : Trị giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

$P_{TN}$  : Trị giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

$SL_N$  : Số lượng thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

**Ví dụ:** Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng than cám 3A

- Ngày 01/05/2016 tồn kho 340 tấn, đơn giá 1.560.910 đ/tấn
- Ngày 06/05/2016 nhập kho 221 tấn, đơn giá 1.563.487 đ/tấn
- Ngày 12/05/2016 xuất kho 330 tấn bán cho Công ty Cổ phần Sông Hồng

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 06/05 là:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} & & & (1.560.910 \times 340) + (1.563.487 \times 221) \\ \text{quân của} & = & & \\ \text{than cám 3A} & & & (340 + 221) & = & 1.561.925 \text{ đ/tấn} \end{aligned}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 12/05 là:

$$330 \text{ tấn} \times 1.561.925 \text{ đ/tấn} = 515.435.250 \text{ đ}$$

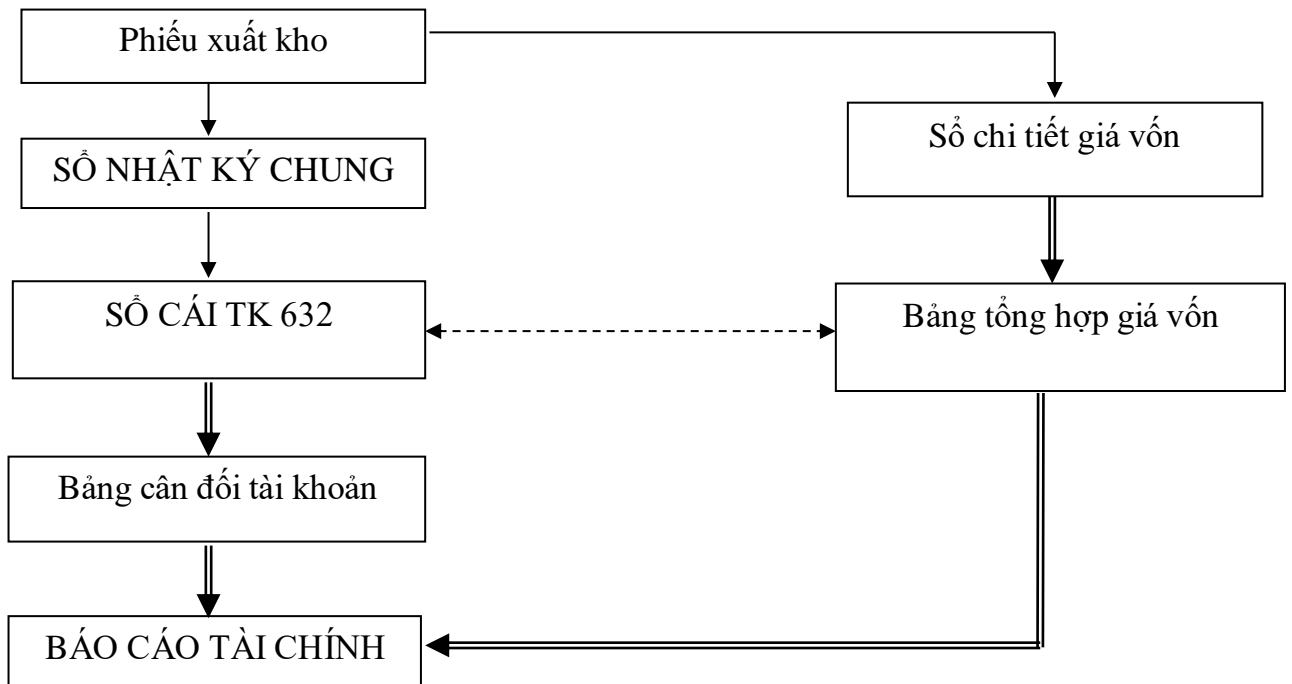
Tương tự như vậy đến ngày 21/05 đơn giá xuất là 1.551.760 đ/tấn

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 21/05 là:

$$442 \text{ tấn} \times 1.551.760 \text{ đ/tấn} = 685.877.920 \text{ đ}$$

#### c. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán  
tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

**Ví dụ:** (minh họa tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng)

## Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho 112

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: 01-VT  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 12 tháng 05 năm  
2016

Nợ: 632

Có: 156

Số: PX112

- Họ tên người nhận: Nguyễn Thị Mai
- Xuất bán theo hóa đơn số 0000424 ngày 12 tháng 05 năm 2016 cho Công ty Sông Hồng
- Xuất tại kho: Hàng hóa
- Địa điểm: 185 Nguyễn Lương Bằng - Kiến An - HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Than cám	CAM3A	Tấn	330	330	1.561.925	515.435.250
	Cộng						515.435.250

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm mười lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 12 tháng 05 năm 2016

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao  
hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho 164

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: 01-VT  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 21 tháng 05 năm  
2016

Số: PX164

Nợ: 632

Có: 156

- Họ tên người nhận: Nguyễn Văn Ngọc
- Xuất bán theo hóa đơn số 0000432 ngày 21 tháng 05 năm 2016 cho Công ty Nien Hsing Ninh Bình
- Xuất tại kho: Hàng hóa
- Địa điểm: 185 Nguyễn Lương Bằng - Kiến An - HP

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Than cám	CAM3A	Tấn	442	442	1.551.760	685.877.920
	Cộng						685.877.920

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 21 tháng 05 năm 2016

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao  
hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

## Biểu số 2.10: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03a-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2016

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PX112</b>	<b>12/05</b>	<b>Xuất than cám theo HD424</b>	<b>632</b>	<b>515.435.250</b>	
			<b>156</b>		<b>515.435.250</b>
HD424 BC549	12/05	Bán than cám cho Sông Hồng theo HD424, thu bằng CK	112	665.156.800	
			511		604.688.000
			3331		60.468.800
<b>PX164</b>	<b>21/05</b>	<b>Xuất than cám theo HD432</b>	<b>632</b>	<b>685.877.920</b>	
			<b>156</b>		<b>685.877.920</b>
HD432	21/05	Bán than cám cho Nien Hsing Ninh Bình theo HD432 chưa thu tiền	131	890.907.046	
			511		809.915.496
			3331		80.991.550
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>1.798.801.905.050</b>	<b>1.798.801.905.050</b>

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*



Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc 185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đầu - Kiến An - HP			Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
<b>SỔ CÁI</b>					
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)					
Năm: 2016					
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán					
Số hiệu: 632					
Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX111	11/05	Xuất bán than cục cho Công ty Minh Hưng	156	415.667.300	
PX112	12/05	<b>Xuất bán than cám cho Công ty Sông Hồng</b>	<b>156</b>	<b>515.435.250</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX164	21/05	<b>Xuất bán than cám cho Công ty Nien Hsing Ninh Bình</b>	<b>156</b>	<b>685.877.920</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK811	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		171.679.666.563
		Cộng số phát sinh		171.679.666.563	171.679.666.563
		Số dư cuối kỳ			
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày... tháng..... năm..... Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tên sản phẩm: Than cám 3A

Tháng 05 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
<b>12/05</b>	<b>PX112</b>	<b>12/05</b>	<b>Xuất bán cho Công ty Sông Hồng</b>	<b>330</b>	<b>1.561.925</b>	<b>515.435.250</b>
			...			
<b>21/05</b>	<b>PX164</b>	<b>21/05</b>	<b>Xuất bán cho Công ty Nien Hsing Ninh Bình</b>	<b>442</b>	<b>1.551.760</b>	<b>685.877.920</b>
			.....			.....
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>3.133.383.480</b>

Ngày 31 tháng 05 năm 2016

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

## Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

### SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

*Tháng 05 năm 2016*

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Số tiền
<b>01</b>	<b>Than cám 3A</b>	<b>3.133.383.480</b>
02	Than cám 6B	1.032.082.517
03	Than cục 7A	819.431.010
.....	.....	
....	.....	
	<b>Cộng</b>	<b>14.301.825.089</b>

*Ngày 31 tháng 05 năm 2016*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

## 2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

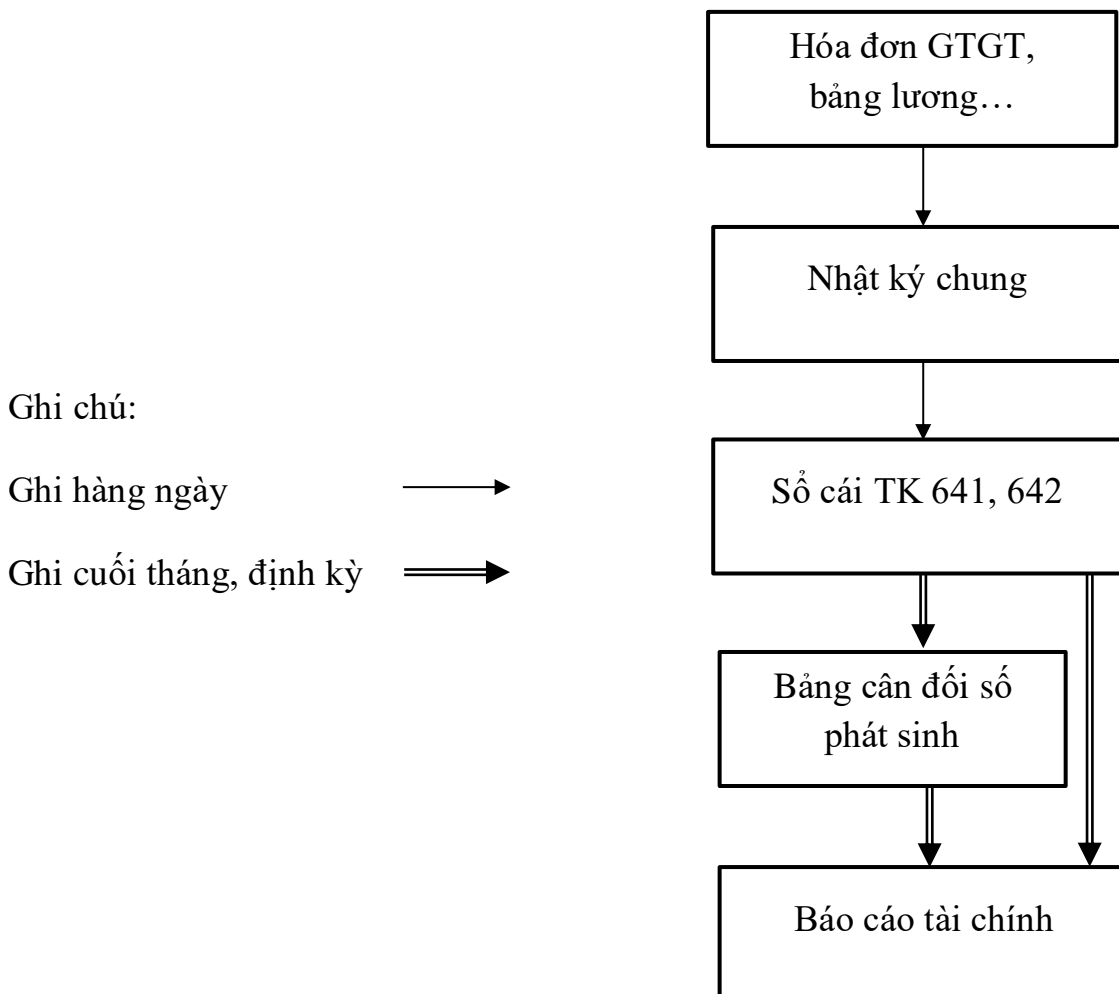
## a. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

## b. Tài khoản sử dụng

- TK 641- Chi phí bán hàng
- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan

## c. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp**

**Ví dụ:** Ngày 01/05/2016 Công ty thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 4/2016 số tiền 3.839.214 đồng (chưa có thuế GTGT 10%).

Ngày 31/05/2016 tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương cho nhân viên văn phòng tháng 05/2016.

Biểu số 2.14: Hóa đơn dịch vụ viễn thông 0046560

<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT0/001			
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu: BB/16E			
		Số: 0046560			
Viễn thông Thành phố Hải Phòng					
Mã số thuế	: 0200287977				
Địa chỉ	: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng				
<p>Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC          Địa chỉ: Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng          Số thuê bao: 031 3972 667          Hình thức thanh toán : TM MST: 0201636677</p>					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước dịch vụ viễn thông T4/2016				3.839.214
Cộng tiền hàng					3.839.214
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			383.921
Tổng cộng tiền thanh toán					4.223.135
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm đồng.					
Ngày 01 tháng 05 năm 2016					

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.15: Phiếu chi 178

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An – Hải Phòng (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu số: 02 – TT

**PHIẾU CHI***Ngày 01 tháng 05 năm 2016***Quyển số: 02****Số: PC178****Nợ: 642, 1331****Có: 1111**

Họ và tên người nhận tiền: Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán cước dịch vụ viễn thông tháng 04/2016

Số tiền: 4.223.135      Viết bằng chữ: Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi  
lăm đồng.

Kèm theo: 01

Chứng từ gốc

*Ngày 01 tháng 05 năm 2016*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi  
lăm đồng.*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.16: Bảng thanh toán tiền lương tháng 05/2016

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: 02-LĐTL  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG****Tháng 5 năm 2016**

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương HD	Lương cơ bản đóng BH	Các khoản giảm trừ			Thực lĩnh	Ký nhận
					8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN		
1	Nguyễn Thị Ngọc	GD	11.000.000	6.000.000	480.000	90.000	60.000	10.370.000	
2	Đỗ Huy Kiên	PGD	9.000.000	4.654.000	372.320	69.810	46.540	8.511.330	
3	Đỗ Thế Anh	NV	7.000.000	3.745.000	299.600	56.175	37.450	6.606.775	
4	Lê Lâm Việt	NV	7.000.000	3.745.000	299.600	56.175	37.450	6.606.775	
	...		...						
	<b>Tổng cộng</b>		<b>94.500.000</b>	<b>55.594.000</b>	<b>4.447.520</b>	<b>833.910</b>	<b>555.940</b>	<b>88.662.630</b>	

Ngày... tháng... năm.....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

## Biểu số 2.17: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD46560 PC178</b>	<b>01/05</b>	<b>Thanh toán cước dịch vụ viễn thông T4/2016</b>	<b>642</b>	<b>3.829.214</b>	
			<b>1331</b>	<b>383.921</b>	
			<b>1111</b>		<b>4.223.135</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BL05</b>	<b>31/05</b>	<b>Tính lương phải trả cho bộ phận văn phòng T5</b>	<b>642</b>	<b>94.500.000</b>	
			<b>334</b>		<b>94.500.000</b>
<b>BPB05</b>	<b>31/05</b>	<b>Trích theo lương bộ phận văn phòng T5</b>	<b>642</b>	<b>13.342.560</b>	
			<b>334</b>	<b>5.837.370</b>	
			<b>338</b>		<b>19.179.930</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	911	3.895.200.274	
			642		3.895.200.274
		<b>Tổng cộng</b>		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu (Ký, họ tên)     
 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)     
 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*



\Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đầu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD46560 PC178</b>	<b>01/05</b>	<b>Thanh toán cước dịch vụ viễn thông T4/2016</b>	<b>1111</b>	<b>3.839.214</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BL05</b>	<b>31/05</b>	<b>Tính lương phải trả cho bộ phận văn phòng T5</b>	<b>334</b>	<b>94.500.000</b>	
<b>BPB05</b>	<b>31/05</b>	<b>Trích theo lương bộ phận văn phòng T5</b>	<b>338</b>	<b>13.342.560</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>911</b>		<b>3.895.200.274</b>
		Cộng số phát sinh		15.151.273.184	15.151.273.184
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng..... năm.....  
Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

**2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính**

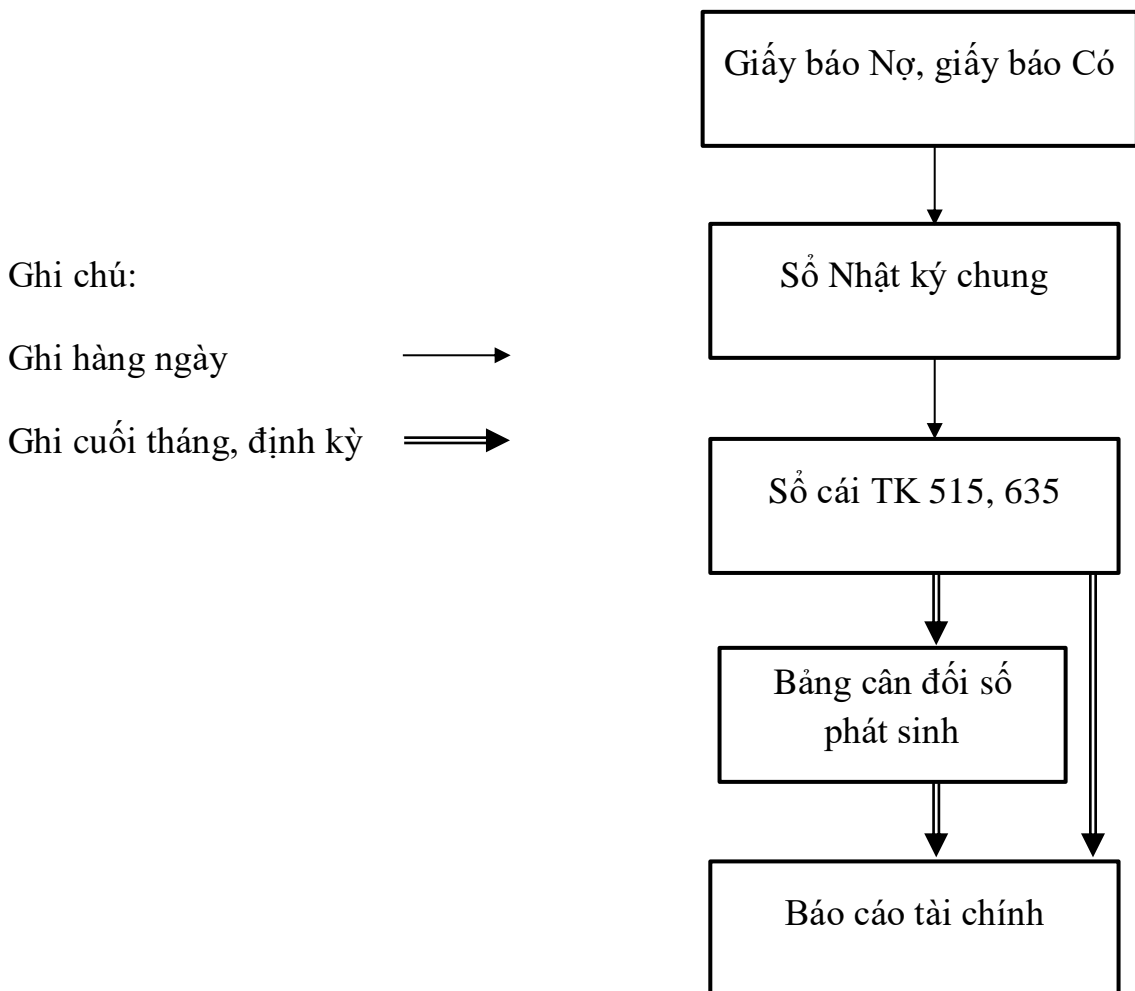
## a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu kế toán

## b. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

## c. Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động tài chính**

**Ví dụ:** Ngày 31/05/2016 Ngân hàng Vietinbank CN Hải Phòng trả lãi TK tiền gửi của công ty. Số tiền 176.312 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có số 624 kế toán định khoản:

Nợ 112: 176.312 đồng

Có 515: 176.312 đồng

Biểu số 2.19: Giấy báo có 624

Chi nhánh – Số 36 Điện Biên Phủ, Máy Tơ, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

## GIẤY BÁO CÓ

Số: 624

Ngày 31 tháng 05 năm 2016



Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN  
ĐÔNG BẮC

Mã số thuế: 0201636677

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có: 32110000568976

Số tiền bằng số: 176.312

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm mười hai đồng.

Nội dung: Nhận tiền lãi tài khoản tiền gửi tại Vietinbank

Giao dịch viên

Kiểm soát

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

## Biểu số 2.20: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX164	31/05	Xuất than cám theo HD432	632	685.877.920	
			156		685.877.920
HD432	31/05	Bán than cám cho Nien Hsing Ninh Bình theo HD432 chưa thu tiền	131	891.071.867	
			511		810.065.334
			3331		81.006.533
BC624	31/05	Ngân hàng trả lãi tiền gửi	112	176.312	
			515		176.312
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK812	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.312.813	
			911		2.312.813
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu (Ký, họ tên)     
 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)     
 Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515

Mẫu số: S03b-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BC624</b>	<b>31/05</b>	<b>Ngân hàng trả lãi tiền gửi</b>	<b>112</b>		<b>176.312</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK812	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.312.813	
		Cộng số phát sinh		2.312.813	2.312.813
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng.... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

**2.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác****a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...

**b. Tài khoản sử dụng**

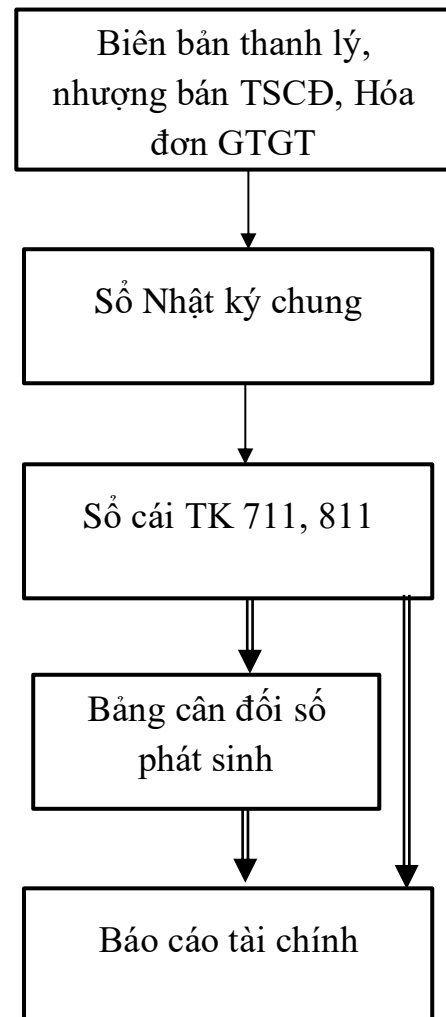
- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan

**c. Quy trình hạch toán****Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán hoạt động khác**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨



**Ví dụ:** Ngày 29/05/2016 Công ty thanh lý xe ô tô Hyundai Accent cho Công ty TNHH Giao nhận và vận tải Hồng Hải theo HĐ GTGT 0000499, giá trị thanh lý chưa thuế GTGT là 500.000.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán.

Biểu số 2.22: Hóa đơn GTGT 0000499

<b>HÓA ĐƠN</b>					
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>					
Liên 3: Lưu hành nội bộ				Mẫu số: 01GTKT3/001	
<i>Ngày 29 tháng 05 năm 2016</i>				Ký hiệu: AA/16P	
				Số: 0000499	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC					
Mã số thuế		: 0201636677			
Địa chỉ		: Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, HP			
Điện thoại		: 031 3972 667			
Số tài khoản		: 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Kiến An			
Họ tên người mua hàng: Trần Duy Khang					
Tên đơn vị		: Công ty TNHH Giao nhận và vận tải Hồng Hải			
Mã số thuế		: 0201275533			
Địa chỉ		: Số 320 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HP			
Hình thức thanh toán		: Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Xe ô tô Hyundai Accent	Chiếc	1	500.000.000	500.000.000
Cộng tiền hàng					500.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			50.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

## Biểu số 2.23: Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

**Mẫu số 02-TSCĐ**

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày 29 tháng 05 năm 2016

Số: 01/BBTL - TSCĐ

Nợ: 811, 214

Có: 211

Căn cứ Quyết định số: 01 ngày 29 tháng 05 năm 2016 của Lãnh đạo Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc về việc thanh lý tài sản cố định.

**I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:**

Ông/Bà: Đặng Kim Phương

Chức vụ: Phó Giám Đốc

là Trưởng ban

Ông/Bà: Nguyễn Thị Thúy

Chức vụ: Trưởng Phòng

là Ủy viên

**II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:**

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe ô tô Hyundai Accent
- Số hiệu TSCĐ: TSBH03 Nước sản xuất (xây dựng): Việt Nam
- Năm sản xuất: 2015 Năm đưa vào sử dụng: 2016 Số thẻ TSCĐ: 03/TSCĐ
- Nguyên giá TSCĐ: 540.000.000 đ
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 22.209.677 đ
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 517.790.323 đ

**III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:**

Quyết định thanh lý Xe ô tô Hyundai Accent

Ngày 29 tháng 05 năm 2016

**Trưởng Ban thanh lý**

**IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:**

- Chi phí thanh lý TSCĐ: (viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi: 500.000.000 đ (viết bằng chữ) Năm trăm triệu đồng chẵn.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2016

Ngày 29 tháng 05 năm 2016

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)



## Biểu số 2.24: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	..... .....	.....	.....	.....
<b>HD499</b>	<b>29/05</b>	<b>Bán xe ô tô bán tải HD499</b>	<b>131</b>	<b>550.000.000</b>	
			<b>711</b>		<b>500.000.000</b>
			<b>3331</b>		<b>50.000.000</b>
<b>BBTL01</b>	<b>29/05</b>	<b>Thanh lý tài sản cố định</b>	<b>214</b>	<b>22.209.677</b>	
			<b>811</b>	<b>517.790.323</b>	
			<b>211</b>		<b>540.000.000</b>
.....	.....	..... .....	.....	.....	.....
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí khác</b>	<b>911</b>	<b>549.416.724</b>	
			<b>811</b>		<b>549.416.724</b>
<b>PK812</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển thu nhập khác</b>	<b>711</b>	<b>747.976.578</b>	
			<b>911</b>		<b>747.976.578</b>
.....	.....	..... .....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>1.798.801.905.050</b>	<b>1.798.801.905.050</b>

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu                      Kế toán trưởng                      Người đại diện theo pháp luật  
 (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên, đóng dấu)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 711

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc 185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP		Mẫu số: S03b-DN (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
<b>SỔ CÁI</b>					
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)					
Năm: 2016					
Tên tài khoản: Thu nhập khác					
Số hiệu: 711					
Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HD499</b>	<b>29/05</b>	<b>Bán xe ô tô bán tải HD499</b>	<b>131</b>		<b>500.000.000</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK812	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	747.976.578	
		Cộng số phát sinh		747.976.578	747.976.578
		Số dư cuối kỳ			
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày... tháng.....Năm Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên, đóng dấu)	

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.26: Sổ cái TK 811

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông  
Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03b-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BBTL01</b>	<b>29/05</b>	<b>Thanh lý tài sản cố định</b>	<b>211</b>	<b>517.790.323</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK811	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		549.416.724
		Cộng số phát sinh		549.416.724	549.416.724
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng..... năm....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

### 2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

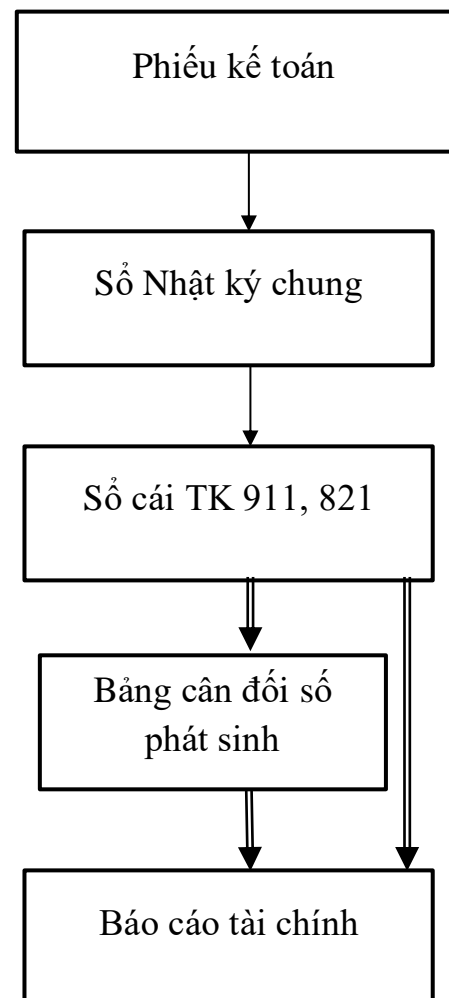
c. Trình tự ghi sổ kế toán

#### Sơ đồ 2.9: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨



Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= (189.780.486.730 + 2.312.813 + 747.976.578) - \\ & (171.649.906.785 + 738.776.898 + 11.256.072.910 + \\ & 3.895.200.274 + 549.416.724) \end{aligned}$$

$$= 2.441.402.530$$

$$\text{Thuế TNDN} = 2.441.402.530 \times 20\%$$

$$= 488.280.506$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 2441.402.530 - 488.280.506$$

$$= 1.953.122.024$$

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 811

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng  
**PHIẾU KẾ TOÁN**  
Số: 811  
Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	632	171.649.906.785	Kết chuyển giá vốn hàng bán	
2	911	635	738.776.898	Kết chuyển chi phí tài chính	
3	911	641	11.256.072.910	Kết chuyển chi phí bán hàng	
4	911	642	3.895.200.274	Kết chuyển chi phí quản lý DN	
5	911	811	549.416.724	Kết chuyển chi phí khác	
	Tổng cộng		188.089.373.591		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 812

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 812

Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	511	911	189.780.486.730	Kết chuyển doanh thu bán hàng	
2	515	911	2.312.813	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	
3	711	911	747.976.578	Kết chuyển thu nhập khác	
	Tổng cộng		190.530.776.121		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán số 813

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**  
 185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
 Số: 813  
 Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	821	3334	488.280.506	Thuế TNDN phải nộp	
Tổng cộng			488.280.506		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán số 814

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**  
 185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**  
 Số: 814  
 Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	821	488.280.506	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	
Tổng cộng			488.280.506		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán số 815

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

## PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 815

Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	421	1.953.122.024	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	
	Tổng cộng		1.953.122.024		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*



## Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

Mẫu số: S03a-DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK811	31/12	Kết chuyển chi phí	911	188.089.373.591	
			632		171.649.906.785
			635		738.776.898
			641		11.256.072.910
			642		3.895.200.274
			811		549.416.724
PK812	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	189.780.486.730	
			515	2.312.813	
			711	747.976.578	
			911		190.530.776.121
PK813	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	488.280.506	
			3334		488.280.506
PK814	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911	488.280.506	
			821		488.280.506
PK815	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	1.953.122.024	
			421		1.953.122.024
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.33: Sổ cái TK 911

Mẫu số: S03b-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí bán hàng</b>	<b>641</b>	<b>11.256.072.910</b>	
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí quản lý DN</b>	<b>642</b>	<b>3.895.200.274</b>	
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn</b>	<b>632</b>	<b>171.649.906.785</b>	
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí tài chính</b>	<b>635</b>	<b>738.776.898</b>	
<b>PK811</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí khác</b>	<b>811</b>	<b>549.416.724</b>	
<b>PK812</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu bán hàng</b>	<b>511</b>		<b>189.780.486.730</b>
<b>PK812</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>515</b>		<b>2.312.813</b>
<b>PK812</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển thu nhập khác</b>	<b>711</b>		<b>747.976.578</b>
<b>PK814</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí thuế TNDN</b>	<b>821</b>	<b>488.280.506</b>	
<b>PK815</b>	<b>31/12</b>	<b>Xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>421</b>	<b>1.953.122.024</b>	
		Cộng số phát sinh		190.530.776.121	190.530.776.121
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

Biểu số 2.34: Sổ cái TK 821

Mẫu số: S03b-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
<b>PK813</b>	<b>31/12</b>	<b>Xác định thuế TNDN phải nộp</b>	<b>3334</b>	<b>488.280.506</b>	
<b>PK814</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>911</b>		<b>488.280.506</b>
		Cộng số phát sinh		488.280.506	488.280.506
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng..... năm...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

Biểu số 2.35: Sổ cái TK 421

Mẫu số: S03b-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			1.417.550.886
<b>PK815</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển lợi nhuận sau thuế</b>	<b>911</b>		<b>1.953.122.024</b>
		Cộng số phát sinh			1.953.122.024
		Số dư cuối kỳ			<b>3.370672.910</b>

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)*

## Biểu số 2.36: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc

185 Nguyễn Lương Bằng – Văn Dầu – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		189.780.486.730	342.977.139.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		189.780.486.730	342.977.139.882
4. Giá vốn hàng bán	11		171.649.906.785	310.680.168.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.130.579.945	32.296.971.063
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.312.813	3.098.946
7. Chi phí tài chính	22		738.776.898	690.489.820
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		738.776.898	690.489.820
8. Chi phí bán hàng	25		11.256.072.910	18.870.391.740
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.895.200.274	9.824.235.362
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.242.842.676	2.914.953.087
11. Thu nhập khác	31		747.976.578	
12. Chi phí khác	32		549.416.724	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		198.559.854	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.441.402.530	2.914.953.087
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		488.280.506	582.990.617
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.953.122.024	2.331.962.470

(Nguồn trích: Công ty TNHH Khoáng sản than Đông Bắc)

## CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN  
ĐÔNG BẮC****3.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương  
Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc****3.1.1. Ưu điểm****❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty theo mô hình tập trung là phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi kế toán viên sẽ phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

**❖ Về việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài chính quy định. Quy trình hạch toán chứng từ khá nhanh chóng và kịp thời.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, chính xác và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ đơn giản, số liệu kế toán dễ đối chiếu và kiểm tra.

- **Về công tác kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

- **Về báo cáo tài chính:** Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc còn một số hạn chế sau:

- **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

- **Về việc áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi**

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc cũng vậy, hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực với công ty. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ

làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc**

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng trong công tác tổ chức kế toán của công ty còn tồn tại 1 số vấn đề hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

#### **3.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự, làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác và khách hàng.

Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với công ty.

- Phần mềm kế toán Misa:

Phần mềm Misa là giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp như: Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.





- + Ưu điểm của phần mềm kế toán Misa: Giao diện dễ sử dụng, trực quan, thân thiện với người dùng, cho phép cập nhật dữ liệu một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành. Số liệu tính toán cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra sai sót bất thường do lỗi phần mềm là cực hiếm, giúp người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác. Công nghệ bảo mật dữ liệu cao, an toàn gần như tuyệt đối vì chạy trên cơ sở dữ liệu SQL.
- + Nhược điểm: Vì có SQL nên Misa nếu cài đặt trên máy tính quá yếu sẽ chạy ì ạch. Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

Misa tính đến nay đã có thể triển khai cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, sản xuất, xây lắp.

- Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



- + Ưu điểm của phần mềm kế toán FAST: Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình. Tốc độ xử lý tương đối tốt. Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel. Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- + Nhược điểm: Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data. Độ bảo mật chưa thực sự an toàn. Các hướng dẫn đi kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng như Misa.

### 3.2.2. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

- ✓ Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa

thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược

kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

#### **Phương pháp hạch toán:**

Tài khoản sử dụng: TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Ngày 25/05/2016, xuất bán 100 tấn than cục cho Công ty CP Thanh Bình theo HĐ 0000441 trị giá chưa thuế GTGT 10% là 295.000.000 đ. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi khách hàng mua với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại 5% trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

+ Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 324.500.000

Có TK 5111: 295.000.000

Có TK 3331: 29.500.000

+ Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211: 14.750.000

Nợ TK 3331: 1.475.000

Có TK 111: 16.225.000

+ Kết chuyển chiết khấu thương mại

Nợ TK 5111: 14.750.000

Có TK 5211: 14.750.000

Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000441

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**Liên 3: Lưu hành nội bộ  
Ngày 25 tháng 05 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/16P

Số: 0000441

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN THAN ĐÔNG BẮC

Mã số thuế : 0201636677

Địa chỉ : Số 185 Nguyễn Lương Bằng, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, HP

Điện thoại : 031 3972 667

Số tài khoản : 32110000568976 tại chi nhánh NH Vietinbank Kiến An

Họ tên người mua hàng: Trần Ngọc Mai

Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Thanh Bình

Mã số thuế : 0201724517

Địa chỉ : Số 112 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, HP

Hình thức thanh toán : CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Than cục 4A	Tấn	100	2.950.000	295.000.000
Cộng tiền hàng					295.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			29.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					324.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## Biểu số 3.2: Phiếu chi số 223

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc 185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đâu - Kiến An - HP		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
<b>PHIẾU CHI</b>		<b>Quyển số: 02</b>		
<i>Ngày 25 tháng 05 năm 2016</i>		<b>Số: PC223</b>		
		<b>Nợ: 5211, 3331</b>		
		<b>Có: 1111</b>		
Họ và tên người nhận tiền: Trần Ngọc Mai				
Địa chỉ: Công ty CP Thanh Bình				
Lý do chi: Chiết khấu cho Công ty CP Thanh Bình				
Số tiền: 16.225.000		Viết bằng chữ: Mười sáu triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng.		
Kèm theo: 01		Chứng từ gốc		
<i>Ngày 25 tháng 05 năm 2016</i>				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu hai trăm hai mươi năm nghìn đồng.				

Biểu số 3.3: Phiếu kế toán số 812A

**Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc**

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 812A

Ngày 31/12/2016

*Đơn vị tính: đồng*

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	511	521	14.750.000	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	
	Tổng cộng				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

## Biểu số 3.4: Sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03a-DN

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc  
185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - HP

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2016

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PX170	25/05	Xuất than cám theo HD441	632	191.800.000	
			156		191.800.000
HD441	25/05	Bán than cục cho Thanh Bình theo HD441, thu bằng chuyển khoản	112	324.500.000	
			5111		295.000.000
			3331		29.500.000
PC223	25/05	Chiết khấu cho công ty CP Thanh Bình	5211	14.750.000	
			3331	1.475.000	
			111		16.225.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PK812A	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	14.750.000	
			5211		14.750.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng		1.798.801.905.050	1.798.801.905.050

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



## Biểu số 3.5: Sổ Cái TK 521

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản than Đông Bắc

Mẫu số: S03b-DN

185 Nguyễn Lương Bằng - Văn Đẩu - Kiến An - Hải  
Phòng(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2016

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
<b>PC223</b>	<b>25/05</b>	<b>Chiết khấu cho công ty CP Thanh Bình</b>	<b>111</b>	<b>14.750.000</b>	
<b>PK812A</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển chiết khấu thương mại</b>	<b>5111</b>		<b>14.750.000</b>
		Cộng số phát sinh		14.750.000	14.750.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ****1. Kết luận**

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu tháng 05 năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

+ Về công tác kế doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị.

- Hạn chế:

+ Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả.

+ Công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng.

**2. Kiến nghị**

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý và bán hàng tại Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc:

- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tăng tính hiệu quả trong công việc, tiết kiệm thời gian và công sức.

- Công ty nên áp dụng chính sách ưu đãi bán hàng như chiết khấu thương mại để thu hút khách hàng.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại Công ty nên có thực tế khả thi.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập, báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán, ví dụ minh họa*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Thương Mại Khoáng Sản Than Đông Bắc, *Sổ sách kế toán Công ty*, (2016).